

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **314/2021/HS-ST**
Ngày 29/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Anh.

Ông Bùi Thị Phương Thảo.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại phòng xử án A, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 279/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2021/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Việt H** (Tên gọi khác: Không), Sinh ngày 31 tháng 3 năm 1983; Tại: Đ;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Nơi cư trú: 189/26 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Minh L (đã chết) và con bà Lê Thị T Vui, sinh năm: 1958; bị cáo có chồng là Mai Xuân T (ly hôn năm 2010) và 02 con lớn sinh năm: 2010, nhỏ sinh năm: 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/11/2020 đến nay – Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Dương Quý P, sinh năm 1970 - Chủ Cửa hàng Vật liệu xây dựng H, địa chỉ: Buôn E2, xã E, huyện B, tỉnh Đ.

2. Bà Lê Thị K Tr, sinh năm 1987, Trường Mầm non H, địa chỉ: Buôn E 1A, Xã E, huyện B, tỉnh Đ .

3. Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn 14, xã T, huyện B, tỉnh Đ.

4. Ông Nông Ngọc Q, sinh năm 1972, địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đ.
5. Ông Nguyễn Hồ V, sinh năm 1978, địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đ.
6. Bà Bùi Thị S, chủ Cửa hàng Vật liệu xây dựng N - địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.
7. Ông Trần Văn H, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn 7, xã H, thành phố B, tỉnh Đ.
8. Ông Trương Văn H, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn 7, xã E, thành phố B, tỉnh Đ.
9. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1982 địa chỉ: Số 41 đường X, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.
10. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987, địa chỉ: Số 120/7 đường Y , phường E, thành phố B, tỉnh Đ.
11. Bà Võ Thị Lệ A, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đ.
12. Ông Hoàng Ngọc S, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn T1, xã C, Thị xã B, tỉnh Đ.
13. Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn Thôn T2, xã C, Thị xã B, tỉnh Đ.
14. Ông Trần H, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn Thôn T4, xã C, Thị xã B, tỉnh Đ.
15. Ông Trương Đình H, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn Thôn T6, xã C, Thị xã B, tỉnh Đ.
16. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1957, địa chỉ: Thôn 8, xã C, Thị xã B, tỉnh Đ.
17. Ông Võ Đức Th, sinh năm 1974 là kế toán UBND xã C thị xã B, tỉnh Đ.
18. Ông Nguyễn Thế A , sinh năm 1981, địa chỉ: Số 126 P, thành phố B, tỉnh Đ.
19. Ông Trương Công L, sinh năm 1955, địa chỉ: Số 126 P, thành phố B, tỉnh Đ.
20. Bà Nguyễn Thị Phấn Kh, sinh năm 1984, địa chỉ: Số 126 P, thành phố B, tỉnh Đ.
21. Ông Vũ Văn V, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 38 Ph, P. T, TP. B, tỉnh Đ.
22. Ông Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1971, địa chỉ: Số 01 đường H, Thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.
23. Ông Nguyễn Bá H, Sinh năm 1983, địa chỉ: Số 383/57/10 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.
24. Bà Nguyễn Thị T, chủ DNTN V, địa chỉ: Số 125 N, thành phố B, tỉnh Đ.
25. Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 11/01 L, P. T, thành phố B (Trường Mầm Non Sc); Địa chỉ: Xã E, huyện B, tỉnh Đ .

26. Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1984, (Trường Mầm Non Sc); Địa chỉ: Xã E, huyện B, tỉnh Đ .

27. Bà Trương Thị Tổ L, sinh năm 1980, địa chỉ: Số 126 P, thành phố B, tỉnh Đ.

(Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lan, ông Q, ông V, bà Th, ông H, ông Thế A có mặt, còn lại đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ kinh doanh Cửa hàng Vật liệu xây dựng P được Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố B, cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 40A8016701, đăng ký lần đầu ngày 04/8/2011. Địa điểm kinh doanh số nhà 213 đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Ngành nghề kinh doanh: Mua bán vật liệu xây dựng; sơn, bột trét tường; gạch ốp, lát, thiết bị vệ sinh. Đại diện hộ kinh doanh là: Trần Thị Việt H; được Chi cục Thuế thành phố B cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Mã số 8073903047 ngày 10/8/2011, hình thức nộp thuế khoán do Chi cục Thuế thành phố B quản lý. Từ năm 2016 đến tháng 7/2018, Trần Thị Việt H mua 10 cuốn Hóa đơn bán hàng (Hóa đơn thông thường) với tổng số 500 tờ hóa đơn, tại Chi cục Thuế thành phố B, đã viết sử dụng 452 tờ hóa đơn với tổng số tiền 38.742.461.141 đồng; xóa bỏ, hủy 20 tờ hóa đơn, còn tồn 28 tờ hóa đơn chưa ghi nội dung.

Quá trình điều tra xác định, trong thời gian kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng, Trần Thị Việt H nhận thấy nhiều tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua hóa đơn không để hợp thức hóa hàng hóa đầu vào nên H nảy sinh ý định bán hóa đơn để hưởng lợi. Thời gian từ đầu năm 2016 đến tháng 7 năm 2018, tại thành phố Buôn Ma Thuột, H đã bán trái phép 26 tờ hóa đơn được ghi nội dung mà không có hàng hoá vật liệu xây dựng kèm theo cho 09 tổ chức, cá nhân cụ thể như sau:

1. Trường Mầm non H, địa chỉ: Buôn E1, xã E, huyện B, tỉnh Đ (07 hóa đơn).

Năm 2016 - 2017, bà Dương Quý P, chủ Cửa hàng Vật liệu xây dựng H, địa chỉ: Buôn E2, xã E, huyện B, tỉnh Đ, bán vật liệu xây dựng cho Trường Mầm non H sửa chữa công trình trường học, nhưng bà P không xuất được hóa đơn để Trường quyết toán nên bà P liên hệ với Trần Thị Việt H mua 07 tờ hóa đơn gồm: Hóa đơn số 0069148 ngày 07/7/2016, số 0069150 ngày 11/7/2016, số 0091351 ngày 25/7/2016, số 0091353 ngày 26/7/2016, số 0063861 ngày 28/11/2016, số 0029910 ngày 22/9/2017, số 0019059 ngày 22/9/2017. Tổng số tiền hàng hóa ghi trên 07 tờ hóa đơn là 131.867.500 đồng, H thu số tiền bán hóa đơn là 3.956.025 đồng (tương đương với 3% số tiền ghi trên hóa đơn). Phi đưa hóa đơn cho bà Lê Thị K Tr, là kế toán Trường Mầm non H để bà Tr thanh toán tiền ngân sách Nhà nước. Bà Tr đã chuyển số tiền 127.693.500 đồng vào tài khoản của H. Sau đó, bà P đến nhà H nhận số tiền này, Hà giữ lại số tiền bán hóa đơn, số tiền còn lại đưa trả cho bà Phi. Ngoài số tiền trên bà Phạm Thị H (Phó Hiệu trưởng, Trường Mầm non H) thanh toán tiền mua vật liệu sửa chữa Trường cho bà P số tiền 4.174.000 đồng (Số tiền dưới 5.000.000 đồng nên thanh toán bằng tiền mặt).

2. Trung tâm Y tế và Trung tâm Dân số Kế hoạch hóa gia đình huyện B (04 hóa đơn)

Trong năm 2017 - 2018, Trung tâm Y tế và Trung tâm Dân số Kế hoạch hóa gia đình huyện B, tỉnh Đ được nhà nước cho xây dựng, sửa chữa công trình nhà làm việc. Ông Trần Ngọc C, được thuê sửa chữa công trình. Quá trình xây dựng, ông Công đã liên hệ với Cửa hàng Vật liệu xây dựng Duy M (địa chỉ: Thôn 14, xã T, huyện B) và một số cửa hàng khác trên địa bàn huyện B để mua nguyên vật liệu để thi công. Do các cửa hàng trên không xuất được hóa đơn nên ông C đưa số tiền 1.380.000 đồng và nhờ người lái xe ô tô tải (Chưa rõ nhân thân, lai lịch) để mua 04 tờ hóa đơn số 0029945 ngày 18/11/2017, số 0029946 ngày 19/11/2017, số 0059245 ngày 19/5/2018, số 0059249 ngày 27/5/2018, với tổng số tiền hàng ghi trên hóa đơn là 27.607.159 đồng của Trần Thị Việt H. H lấy tiền bán hóa đơn là 828.214 đồng, tương đương với 3% số tiền ghi trên hóa đơn. Ông C đã đưa 04 tờ hóa đơn này cho 02 Cơ quan trên để thanh quyết toán.

3. Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện B, tỉnh Đ (01 hóa đơn)

Năm 2017, Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đ tiến hành lắp đặt công trình chống ngập úng tại các thôn 2, 6, 7, xã C. Ông Nông Ngọc Q - Cán bộ Ủy ban nhân dân xã C là người được giao nhiệm vụ thực hiện việc thi công. Quá trình xây dựng ông Q đã liên hệ với ông Vũ Mạnh D (Chủ cơ sở sản xuất bi cống, địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện B) để mua toàn bộ bi cống xi măng về lắp đặt tại Thôn 2, Thôn 6, Thôn 7. Sau khi lắp đặt xong, ông Q đã nhờ ông Nguyễn Hồ V (kế toán Ủy ban nhân dân xã C) mua hóa đơn để làm thủ tục thanh toán. Ông Nguyễn Hồ V liên hệ với bà Bùi Thị S, chủ Cửa hàng Vật liệu xây dựng N (địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện B) để mua hóa đơn và đưa cho bà S số tiền 800.000 đồng. Do không có hóa đơn để xuất bán nên bà S đã liên lạc với bà Dương Quý P để nhờ mua hóa đơn. Bà S giữ lại 300.000 đồng và đưa cho bà P số tiền 500.000 đồng. Sau đó, bà P đã liên hệ với Trần Thị Việt H để mua 01 tờ hóa đơn số 0038788 ngày 01/7/2017, với số tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn là 8.190.000 đồng. Bà P trả cho H tiền mua hóa đơn là 245.700 đồng, tương đương với 3% số tiền ghi trên hóa đơn. Bà P hưởng tiền chênh lệch là 265.000 đồng. Sau khi mua được hóa đơn, ông Nông Ngọc Q đã nộp hóa đơn trên cho bộ phận kế toán Ủy ban nhân dân xã C, để làm thủ tục thanh toán.

4. Trường Tiểu học L, địa chỉ: Thôn 7, xã H, thành phố B, tỉnh Đ (01 hóa đơn)

Trong năm 2017, Trường Tiểu học L được Nhà nước cấp kinh phí xây dựng, sửa chữa nhà vệ sinh và đường dây dẫn điện từ nhà hiệu bộ đến lớp học. Quá trình thi công, ông Trần Văn H - Phó Hiệu trưởng đã liên hệ với ông Trương Văn H - Chủ Cửa hàng Vật liệu xây dựng Ha (địa chỉ: Thôn 2, xã E, thành phố B) để mua toàn bộ vật liệu xây dựng về thực hiện việc xây dựng, sửa chữa công trình. Sau khi hoàn thành công trình, do yêu cầu của nhà trường phải có hóa đơn bán hàng nhưng Cửa hàng Vật liệu xây dựng Ha không có hóa đơn nên ông Trương Văn H đã liên hệ, trực tiếp gặp Trần Thị Việt H để mua 01 tờ hóa đơn bán hàng số 0024827 ngày 08/3/2017, số tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn là 9.569.000 đồng. H lấy tiền bán hóa

đơn là 287.070 đồng, tương đương với 3% số tiền ghi trên hóa đơn. Sau khi có hóa đơn, Trường Tiểu học L đã lập thủ tục thanh toán.

5. Trung tâm Viễn thông Khu vực T - Viễn Thông Đắk Lắk (02 hóa đơn)

Trong năm 2016, Trung tâm Viễn thông Khu vực T, địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đ, thuê ông Nguyễn Đức C, địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, sửa chữa 08 nhà trạm BTS để lắp đặt máy phát điện. Quá trình xây dựng, ông C mua vật liệu xây dựng tại các cửa hàng vật liệu xây dựng thuộc huyện C, tỉnh Đ. Sau khi thi công xong các trạm BTS, ông Nguyễn Quang T - Phó Giám đốc Trung tâm Viễn thông Khu vực T, nhờ bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987, trú tại số 120/7 đường Y, phường E, thành phố B, mua hóa đơn làm hồ sơ thanh quyết toán. Bà T đã liên hệ với Trần Thị Việt H mua 02 tờ hóa đơn số 0063864 ngày 28/11/2016 và số 0063866 ngày 30/11/2016; Tổng số tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn là 25.178.000 đồng. H lấy tiền bán hóa đơn là 755.340 đồng, tương đương với 3% số tiền ghi trên hóa đơn. Khi đi mua hóa đơn, bà T rủ bạn là Võ Thị Lệ A, sinh năm 1987, trú tại thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đ đi cùng bà A ký giúp tại mục “Người mua hàng” tại các tờ hóa đơn Liên 1, 3 của các số hóa đơn nêu trên. Sau khi có hóa đơn, ông Thế đã chỉ đạo Kế toán lập hồ sơ thanh toán.

6. UBND xã C, Thị xã B, tỉnh Đ (05 hóa đơn)

Năm 2016, 2017 Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Xây dựng ph (viết tắt: Công ty Ph), địa chỉ: 126 P, thành phố B, ký 09 hợp đồng mua bán bê tông xi măng với các thôn trưởng, gồm: Ông Hoàng Ngọc S - Thôn T1, ông Hoàng Văn D - Thôn Thôn T2, ông Trần H - Thôn Thôn T4, ông Trương Đình H - Thôn Thôn T6, ông Nguyễn Văn Kh - Thôn 8 và ông Nguyễn Văn H - Thôn 9B để thi công đường giao thông nông thôn thuộc xã C, Thị xã B, tỉnh Đ.

Sau khi các tuyến đường được thi công xong, ông Võ Đức Th là kế toán UBND xã C liên hệ trực tiếp với ông Nguyễn Thế A yêu cầu Công ty Ph xuất hóa đơn vật liệu cát, đá, xi măng. Ông Th đã đến văn phòng Công ty Ph gặp ông Trương Công L - Giám đốc, bà Trương Thị Tố L - Kế toán, trình bày: “UBND xã C yêu cầu Công ty Ph xuất hóa đơn vật liệu thô chứ không lấy hóa đơn bê tông thì Công ty có xuất được hay không?”, ông L nói “xuất được chứ sao không”, còn bà L nói Công ty Ph không đăng ký kinh doanh lĩnh vực này nên không xuất hóa đơn được. Lúc này, bà L nảy sinh ý định nhờ các đơn vị có hợp đồng cung ứng hàng hóa cho Công ty Ph để xuất hóa đơn nên L nói với ông Lưu và Th: “để liên hệ Cửa hàng Vật liệu xây dựng P và Công ty Thịnh p nhờ xuất hóa đơn trực tiếp cho UBND xã C xem có được không?”. Nói xong, L gọi điện thoại trao đổi với bị cáo H và ông Vũ Văn V - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vật liệu xây dựng Thịnh P. Do trước đó, Công ty Ph đã nhiều lần mua vật liệu của Công ty Thịnh p và Cửa hàng Vật liệu xây dựng P để làm nguyên liệu trộn sản xuất ra bê tông thành phẩm nên H và V đồng ý xuất hóa đơn. Sau khi gọi điện thoại, bà L báo lại xin ý kiến thì ông L nói “vậy thì cứ làm đi”. Bà L cung cấp số điện thoại của Cửa hàng Vật liệu xây dựng P và Công ty Thịnh p để ông Th liên hệ.

Sau đó, ông Nguyễn Thế A đã liên hệ với bị cáo H lấy thông tin liên quan đến hộ kinh doanh Cửa hàng Vật liệu xây dựng P cung cấp cho ông Võ Đức Th để soạn thảo các Hợp đồng mua bán vật liệu giữa UBND xã C và Cửa hàng Vật liệu xây

dựng P gửi vào địa chỉ email của ông Nguyễn Thế A là Theanhtheanh16@gmail.com, rồi ông Th in hợp đồng ra đưa cho Trần Thị Việt H ký, xuất 09 tờ hóa đơn cho Ủy ban nhân dân xã C. Trong đó, có 04 tờ hóa đơn số 0063859 ngày 21/12/2016, số 0063894 ngày 21/12/2016, số 0063892 ngày 17/12/2016, số 0063897 ngày 25/12/2016, Hà không lấy phí do trước đó Hà có bán hàng hóa (đá) cho Công ty Ph nhưng chưa xuất hóa đơn (các hóa đơn này được xuất sau thời điểm đối chiếu công nợ ngày 15 hàng tháng nên Hà khấu trừ); Còn 05 tờ hóa đơn có tổng tiền hàng hóa xuất bán giá trị là 342.479.296 đồng, gồm các hóa đơn số 0029936 ngày 06/11/2017, số 0063889 ngày 14/12/2016, số 0029925 ngày 26/10/2017, số 0029923 ngày 24/10/2017, số 0029937 ngày 09/11/2017, không có hàng hóa kèm theo nên Hà lấy tiền bán hóa đơn là 2,5% giá trị hàng hóa (trong đó có 02 hóa đơn xuất trước thời điểm đối chiếu công nợ và 03 hóa đơn bán mặt hàng xi măng không phải là hàng hóa được hợp đồng giữa Công ty Ph và Cửa hàng P). Sau đó, Nguyễn Thế A đến gặp Hà nhận các hóa đơn này rồi giao lại cho ông Thanh lập thủ tục thanh toán trình ông Đỗ Văn S nguyên là Chủ tịch UBND xã C (chết năm 2019) ký và chuyển vào tài khoản ngân hàng số 0231000586249 của Trần Thị Việt H, tổng số tiền 344.075.000 đồng. Nhận được tiền, Hà ký SEC rồi cùng Nguyễn Thị Phấn Kh là thủ quỹ của Công ty Ph đến ngân hàng rút tiền mặt giao cho Khanh nhập vào quỹ Công ty Ph tổng số tiền 344.075.000 đồng. Sau đó, Hà đến văn phòng Công ty Ph lấy số tiền bán hóa đơn (tương đương với 2,5% tổng giá trị hóa đơn). Bà Lan đã báo cáo và được sự đồng ý của ông Trương Công L nên đã thanh toán tiền mua 05 hóa đơn trên cho bị cáo Hà là 8.601.875 đồng.

Tương tự như trên, trong cùng thời gian, ông Nguyễn Thế A đã liên hệ với ông Vũ Văn V ký 02 Hợp đồng bán xi măng cho UBND xã C, số lượng 172,917 tấn. Công ty Thịnh p xuất 05 tờ hóa đơn GTGT số 0000205 ngày 31/12/2016, số 0000195 ngày 25/12/2016, số 0000197 ngày 16/12/2016, số 0000199 ngày 31/12/2016, số 0000202 ngày 28/12/2016; tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 318.447.700 đồng. Số hóa đơn này được ông Th đến Công ty Thịnh p nhận rồi giao lại cho ông Thanh. Tiếp đó, UBND xã C đã thanh toán số tiền trên cho Công ty Thịnh p bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Sau khi nhận được tiền và cân trừ công nợ, ông V đã trả số tiền còn lại là 177.786.000 đồng cho Công ty Ph. Ông V không lấy tiền phần trăm xuất hóa đơn.

7. Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Đ (địa chỉ: Số 01 đường H, Thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ 03 hóa đơn

Năm 2017, DNTN Đ do ông Nguyễn Quốc Đ làm chủ doanh nghiệp có thực hiện gói thầu sửa chữa, nâng cấp đường Ea Niêu, xã Cư M'Gar đi xã Ea H'Đing, huyện Cư M'Gar. Quá trình thi công, ông Đại đã liên hệ với ông Nguyễn Thế A để mua bê tông xi măng, hai bên thỏa thuận không lập hợp đồng mua, bán. Từ ngày 30/11 đến ngày 13/12/2017, Công ty Ph đã xuất bán cho ông Đại 93,5 m³ bê tông xi măng. Ngày 14/12/2017 và ngày 29/12/2020, Doanh nghiệp tư nhân Đ đã chuyển khoản tổng số tiền là 91.595.000 đồng để thanh toán tiền mua bê tông cho Công ty Ph. Sau đó, ông Đại đề nghị ông Nguyễn Thế A xuất hóa đơn bán hàng theo vật liệu thô (cát, đá). Ông Nguyễn Thế A đã gặp trực tiếp ông Trương Công L tại văn phòng Công ty Ph báo cáo việc DNTN Đ yêu cầu xuất hóa đơn vật liệu thô và được ông

Lưu đồng ý, chỉ đạo tiếp tục liên hệ Cửa hàng Vật liệu xây dựng P và Công ty Thịnh p nhờ xuất hóa đơn cho DNTN Đ. Ông Nguyễn Thế A liên hệ trực tiếp với bị cáo Trần Thị Việt H để mua 03 tờ hóa đơn gồm: Hóa đơn số 0019077 ngày 18/12/2017, số 0019080 ngày 20/12/2017, số 0019084 ngày 24/12/2017; tổng số tiền hàng ghi trên 03 hóa đơn là 56.908.600 đồng. Sau khi xuất hóa đơn, H đã đến Công ty Ph gặp bà Trương Thị Tổ L lấy tiền bán hóa đơn. Lúc này bà Lan đã gọi ông Nguyễn Thế A và hỏi “Em nhờ bên Cửa hàng VLXD P xuất hóa đơn cho DNTN Đ à?”, ông Th trả lời “đúng rồi chị, họ xuất bao nhiêu thì chị cứ trả, việc này em đã báo cáo với ba (ông Lưu)”. Do đó, sau khi được ông Lưu đồng ý, bà Lan đã thanh toán cho bà H số tiền mua hóa đơn là 1.422.715 đồng, tương đương 2,5% tổng giá trị hóa đơn.

Cùng thời gian trên, ông Nguyễn Thế A liên hệ với ông Vũ Văn V - Giám đốc Công ty Thịnh p xuất cho Doanh nghiệp tư nhân Đ 01 tờ hóa đơn GTGT số: 0000790 ngày 31/12/2016, số tiền hàng hóa (xi măng) ghi trên hóa đơn là 62.890.000 đồng, tuy nhiên do có quan hệ mua bán hàng hóa nên việc xuất hóa đơn này Công ty Thịnh p khấu trừ vào công nợ, không lấy chi phí. Sau khi nhận các hóa đơn trên, ông Th đưa cho ông Hoàng Mạnh Thắng - Kế toán của DNTN Đ để doanh nghiệp làm thủ tục quyết toán kinh phí xây dựng. Riêng việc xuất hóa đơn của Công ty Thịnh p thì bà Lan không biết, không tham gia.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Thế A, ông Trương Công L, bà Trương Thị Tổ L đã khai nhận nội dung phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập, phù hợp với lời khai của bị cáo và những người có liên quan trong vụ án.

Quá trình điều tra xác định, Công ty Ph xác nhận đã thu số tiền bán bê tông xi măng của UBND xã C và Doanh nghiệp tư nhân Đ với tổng số tiền là 967.055.000 đồng nhưng không xuất hóa đơn cho hai đơn vị trên, không đưa số tiền đã thu vào báo cáo tài chính và báo cáo thuế. Đến ngày 09/02/2021, Công ty Ph đã kê khai hóa đơn GTGT Điện tử mẫu số: 01GTKT 0/001, Ký hiệu: PX/20E, Số: 0000402, cho UBND Xã C với tổng số tiền là 875.460.000 đồng; Ngày 09/03/2021 Công ty Ph xuất Hóa đơn GTGT số: 0000435, mẫu số: 01GTKT0/001, Ký hiệu: PX/20E cho Doanh Nghiệp tư nhân Đ với số tiền ghi trên hóa đơn là 91.595.000 đồng.

8. Công ty TNHH Xây dựng N, địa chỉ: 383/57/10 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (02 hóa đơn)

Tháng 01/2018, ông Nguyễn Bá H - Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng N, thi công xây dựng Trường Mầm Non Hoa P, địa chỉ: Xã H, huyện C, tỉnh Đ. Ông Nguyễn Bá H mua vật liệu của Nguyễn Thị T chủ DNTN V, địa chỉ 125 N, thành phố B. Sau đó, T không xuất hóa đơn mà giới thiệu ông H đến Cửa hàng Vật liệu xây dựng P gặp Trần Thị Việt H để mua 01 tờ hóa đơn: Số 0059220 ngày 20/3/2018, giá trị hàng hóa 13.460.000 đồng.

Tháng 6/2018, ông Nguyễn Bá H và Trường Trung học cơ sở Tr, xã E, huyện C, tỉnh Đ ký hợp đồng xây dựng nhà vệ sinh. Ông H đã mua cát của DNTN V, mua gạch, đá, sắt của cửa hàng vật liệu xây dựng T Thuật, địa chỉ thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đ xây dựng công trình. Cả hai đơn vị trên không xuất được hóa đơn nên ông H đến gặp bị cáo H mua hóa đơn bán hàng số 0034715 ngày 20/6/2018, tổng giá trị hàng hóa 11.220.000 đồng.

Tổng số tiền ghi trên hai hóa đơn là 24.680.000 đồng, H lấy tiền bán hóa đơn là 03% giá trị trên hàng hóa, tương đương số tiền 740.400 đồng.

9. Trường Mẫu Giáo Sc (nay đổi tên thành Trường Mầm Non Sc); Địa chỉ: Xã E, huyện B, tỉnh Đ (01 hóa đơn)

Khoảng tháng 10/2017, Trường Mầm Non Sc sửa chữa sân trường học phân hiệu Buôn Kđ, xã E. Bà Bùi Thị Th là hiệu trưởng liên hệ với Cửa hàng vật liệu xây dựng Th -tr, địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đ, mua hơn 20 m³ đá mặt. Sau đó, Cửa hàng này không xuất được hóa đơn nên bà T nói với Bùi Thị Đ là kế toán của trường tìm chỗ mua hóa đơn. Đào liên hệ với Lê Thị K Tr kế toán Trường Mầm non H, địa chỉ: Xã E, huyện B cung cấp nội dung nhờ mua giúp hóa đơn. Trang nhờ bà Dương Quý P – Cửa hàng vật liệu Hải P, địa chỉ: Xã T, huyện B, tỉnh Đ mua giúp hóa đơn. Bà P đến Cửa hàng Vật liệu xây dựng P gặp Trần Thị Việt H mua hóa đơn số 0029931 ngày 01/11/2017, giá trị hàng hóa 4.200.000 đồng, H lấy tiền bán hóa đơn là 126.000 đồng, tương đương 3% giá trị trên hàng hóa.

Tại Kết luận giám định số: 759/PC09 ngày 30/9/2019, số 433/PC09 ngày 05/6/2020, số 666/PC09 ngày 15/6/2021 kết luận: Chữ ký tại mục người bán hàng, chữ viết phần nội dung tại 30 tờ Hóa đơn Liên 2 do Trần Thị Việt H xuất bán cho 09 tổ chức, cá nhân trên là do Trần Thị Việt H ký và viết ra.

Ngày 11/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã Trung cầu giám định Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk, về số tiền trốn thuế của Công ty TNHH Xây dựng ph. Ngày 15/4/2021, Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk ban hành kết luận số 1297/CTĐLA-TTKT1, thể hiện: Các khoản thuế phải nộp của Công ty TNHH Xây dựng ph như sau:

Năm 2016, Thuế GTGT: 39.210.000 đồng, Thuế TNDN: 13.665.025 đồng; Tổng cộng: 52.875.025 đồng.

Năm 2017, Thuế GTGT: 48.704.091 đồng, Thuế TNDN: 13.568.458 đồng; Tổng cộng: 62.272.549 đồng.

Tại biên bản làm việc với Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuột ngày 16/6/2021, xác định: Đối với 26 tờ hóa đơn bất hợp pháp do Cửa hàng VLXD P xuất bán trái phép cho 09 đơn vị trên, Cửa hàng VLXD P đã kê khai, báo cáo và nộp số tiền 9.460.193 đồng cho Chi cục thuế TP Buôn Ma Thuột.

Cáo trạng số: 247/CT-VKS-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Trần Thị Việt H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng với diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời đề cập các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Việt H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65

BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Thị Việt H mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

- Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án các tờ hóa đơn do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã tạm giữ gồm:

+ 26 tờ hóa đơn Liên 2 Trần Thị Việt H xuất bán không cho 09 tổ chức; 10 quyển hóa đơn bán hàng gồm Quyển số 0001383, 0001828, 0000444, 0001278, 0000497, 0000776, 0000382, 0001185, 0000599, 0000695 chứa Liên 1 và Liên 3. 04 tờ hóa đơn Trần Thị Việt H xuất cho UBND xã C và 06 tờ hóa đơn GTGT ông Vũ Văn V xuất cho UBND xã C và Doanh nghiệp tư nhân Đ.

Các hóa đơn Liên 2 của các tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra vụ án không phát hiện sai phạm. Theo quy định của pháp luật các hóa đơn này do doanh nghiệp, hộ kinh doanh tự quản lý. Các đơn vị này không yêu cầu nhận lại nên lưu theo hồ sơ vụ án.

+ Truy thu sung ngân sách Nhà nước của Trần Thị Việt H số tiền 7.503146 đồng hưởng lợi bất chính từ việc bán hóa đơn trái phép.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì và khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra những người này đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là phù hợp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Do ý thức coi thường luật pháp, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước nên trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018, Trần Thị Việt H đã bán trái phép hóa đơn, chứng từ cho Trường Mầm non H, địa chỉ: Buôn E, Xã E, huyện B, tỉnh Đ 07 hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa ghi trên 07 tờ hóa đơn là 131.867.500 đồng, thu lợi số tiền 3.956.025 đồng; bán cho Trung tâm Y tế và Trung tâm Dân số Kế hoạch hóa gia đình huyện B 04 hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn là 27.607.159 đồng, thu lợi số tiền là 828.214 đồng; bán cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đ 01 hóa đơn, với số tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn là 8.190.000 đồng, thu lợi số tiền là 245.700 đồng; bán cho Trường Tiểu học L, địa chỉ: Thôn 7, xã H, thành phố B,

tỉnh Đ, 01 hóa đơn, với số tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn là 9.569.000 đồng, thu lợi số tiền là 287.070 đồng; bán cho Trung tâm Viễn thông Khu vực T - Viễn Thông Đắk Lắk 02 hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn là 25.178.000 đồng, thu lợi số tiền là 755.340 đồng; bán cho Ủy ban nhân dân xã C, Thị xã B, tỉnh Đ 05 hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa xuất bán giá trị là 342.479.296 đồng, thu lợi số tiền là 8.601.875 đồng; bán cho Doanh nghiệp tư nhân Đ, địa chỉ: Số 01 đường H, Thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ 03 hóa đơn, với tổng số tiền hàng ghi trên 03 hóa đơn là 56.908.600 đồng, thu lợi số tiền là 1.422.715 đồng; bán cho Công ty TNHH Xây dựng N, địa chỉ: 383/57/10 đường N, phường T, thành phố B, 02 hóa đơn, với tổng số tiền hàng ghi trên 02 hóa đơn là 24.680.000 đồng, thu lợi số tiền 740.400 đồng và bán cho Trường Mẫu Giáo Sc (nay đổi tên thành Trường Mầm Non Sc); Địa chỉ: Xã E, huyện B, tỉnh Đ 01 hóa đơn, với số tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn là 4.200.000 đồng, thu lợi số tiền 126.000 đồng. Như vậy Trần Thị Việt H đã bán trái phép 26 hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung, với tổng số tiền hàng hóa ghi nội dung trên hóa đơn chưa thuế là 630.679.555 đồng, thu lợi bất chính 16.963.339 đồng; bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo khoản 1 Điều 203 BLHS là có căn cứ pháp luật.

Khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....”

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi dân sự để nhận thức được hành vi mua bán trái phép hóa đơn là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã lợi dụng sự quản lý chưa chặt chẽ của các cơ quan quản lý Nhà nước để cố ý xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế trong việc thu nộp ngân sách, đồng thời xâm phạm đến hoạt động thu chi ngân sách gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế Nhà nước. Nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có cha ruột tên Trần Minh L là thương binh hạng B được Chủ tịch nước tặng nhiều Huân, Huy chương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Xét bị cáo Trần Thị Việt H có nơi cư trú ổn định, nhân thân tốt và có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS nên căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và sự phối hợp của gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích và không gây nguy hiểm cho xã hội; không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 lưu theo hồ sơ vụ án gồm:

[4.1] Lưu giữ 26 tờ hóa đơn Liên 2 Trần Thị Việt H xuất bán khổng cho 09 tổ chức: Trường Mầm non H: 07 tờ hóa đơn số 0069148, số 0069150, số 0091351, số 0091353, số 0063861, số 0029910, số 0019059; Trung tâm Viễn thông Khu vực T 02 tờ hóa đơn số 0063864, số 0063866; UBND xã C 05 tờ hóa đơn số 0029936, số 0063889, số 0029925, số 0029923, số 0029937; Trường Tiểu học L 01 tờ hóa đơn số 0024827; Ông Nông Ngọc Q 01 tờ hóa đơn số 0038788; Ông Trần Ngọc C 04 tờ hóa đơn số 0059249, số 0059245, số 0029945, số 0029946; Doanh nghiệp tư nhân Đ 03 tờ hóa đơn số 0019077, số 0019080, số 0019084; Trường Mẫu Giáo Sc 01 tờ hóa đơn số 0029931; Công ty TNHH Xây dựng N 02 tờ hóa đơn số 0059220, số 0034715; 10 quyển hóa đơn bán hàng gồm Quyển số 0001383, 0001828, 0000444, 0001278, 0000497, 0000776, 0000382, 0001185, 0000599, 0000695 chứa Liên 1 và Liên 3, là vật chứng của vụ án.

Đối với 04 tờ hóa đơn số 0063859, số 0063894, số 0063892, số 0063897, Trần Thị Việt H xuất cho UBND xã C và 06 tờ hóa đơn GTGT số 0000205, số 0000195, số 0000197, số 0000199, số 0000202, số 0000790, ông Vũ Văn V – Giám đốc Công ty Thịnh p, xuất cho UBND xã C và Doanh nghiệp tư nhân Đ xuất sai quy định pháp luật, do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, nên cần lưu hồ sơ vụ án.

Đối với các hóa đơn Liên 2 của các tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra vụ án không phát hiện sai phạm. Theo quy định của pháp luật các hóa đơn này do doanh nghiệp, hộ kinh doanh tự quản lý. Các đơn vị này không yêu cầu nhận lại.

[4.2] Về số tiền thu lợi bất chính:

Đối với số tiền 16.963.339 đồng bị cáo hưởng lợi bất chính từ việc bán 26 tờ hóa đơn trái phép. Bị cáo đã kê khai, nộp thuế vào Ngân sách nhà nước số tiền 9.460.193 đồng, số tiền còn lại là 7.503.146 đồng cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[5] Nội dung khác:

[5.1] Đối với vật chứng là dấu vuông của Hộ kinh doanh Cửa hàng Vật liệu xây dựng P và dấu tên Trần Thị Việt H, bị cáo đã làm mất, Cơ quan điều tra không xác định được để tạm giữ.

[5.2] Trong vụ án này đối với những người mua hóa đơn khống để hợp thức hóa thanh toán công trình xây dựng gồm: Bà Dương Quý P mua 09 tờ hóa đơn cho 03 đơn vị là Trường Mầm non H, ông Nông Văn Q thuộc UBND xã Cu và Trường Mầm Non Sc; Ông Trần Ngọc C mua 04 tờ hóa đơn cho Trung tâm Y tế và Trung tâm Dân số Kế hoạch hóa gia đình huyện B; ông Nông Ngọc Q, Nguyễn Hồ V và bà Bùi Thị S mua 01 hóa đơn cho UBND xã Cu; ông Trương Văn H mua 01 tờ hóa đơn cho Trường Tiểu học L; ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị Th và bà Võ Thị Lệ A mua 01 tờ hóa đơn cho Trung tâm Viễn thông Khu vực T (xem lại); Bà Bùi Thị Th, Bùi Thị Đ, Lê Thị K Tr mua 01 tờ hóa đơn cho trường Mầm Non Sc; Ông Nguyễn Bá H mua 02 tờ hóa đơn cho trường Mầm Non Hoa P, Trường Trung học cơ sở Tr. Những người sử dụng các hóa đơn này, gồm: Bà Lê Thị K Tr - kế toán, bà Phạm Thị H - Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non H; ông Trần Văn H - Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học L; Ông Võ Đức Th - Kế toán UBND xã C ; Ông Nguyễn Quốc Đ chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ. Ông Vũ Văn V - Giám đốc Công ty Thịnh p xuất trái phép 06 tờ hóa đơn cho hai đơn vị là UBND xã C , Doanh nghiệp tư nhân Đ và bị cáo Hà xuất trái phép 04 hóa đơn cho UBND xã C , không lấy tiền xuất hóa đơn. Do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng hóa đơn lập khống*” quy định tại Khoản 3, Điều 34 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ, quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[5.3] Đối với bà Trương Thị Tố L, Nguyễn Thế A là nhân viên Công ty Ph được sự đồng ý của ông Trương Công L, Giám đốc Công ty đã liên hệ với bị cáo Trần Thị Việt H và ông Vũ Văn V để xuất tổng cộng 18 tờ hóa đơn khống cho UBND xã C và Doanh nghiệp tư nhân Đ.

Đối với hành vi của ông Trương Công L, bà Trương Thị Tố L và Nguyễn Thế A có dấu hiệu đồng phạm, mặc dù Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra khởi tố xử lý theo đúng pháp luật nhưng Viện kiểm sát cho rằng không có cơ sở để khởi tố, xử lý. Vì vậy, HĐXX sơ thẩm kiến nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét đối với hành vi của những người nêu trên theo quy định pháp luật.

Đối với Công ty Ph , việc công ty thu tiền bán bê tông tươi cho UBND Xã C và Doanh Nghiệp tư nhân Đ tổng số tiền là 967.055.000 đồng nhưng không xuất hóa đơn cho hai đơn vị trên, không đưa số tiền đã thu vào báo cáo tài chính, đến năm 2021 mới xuất hóa đơn cho hai đơn vị này. Ngày 09/4/2021, Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đối với ông Trương Công L, giám đốc Công ty Ph , địa chỉ: 126 P, thành phố B, Mã số thuế 6000236006, tổng số tiền 167.816.330 đồng, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[5.4] Đối với các đơn vị sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước, Cơ quan điều tra xét thấy việc thi công công trình là có thật, giá trị công trình là phù hợp thực tế, không có động cơ vụ lợi hay chiếm đoạt ngân sách Nhà nước và không gây thiệt hại nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[5.5] Đối với ông Đỗ Văn S - Chủ tịch UBND Cư Bao là người đã ký các Hợp đồng không mua vật liệu (cát, đá) với bị cáo Trần Thị Việt H để mua 09 hóa đơn bán hàng nhằm hợp thức hóa hồ sơ thanh quyết toán cho UBND xã C đã chết năm 2018, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý trong vụ án này là phù hợp.

Đối với các ông thôn trưởng Hoàng Ngọc S, ông Hoàng Văn D, ông Trần H, ông Trương Đình H, ông Nguyễn Văn Kh và ông Nguyễn Văn H có mua bê tông xi măng của Công ty Ph để thi công đã được nghiệm thu. Việc UBND xã C hợp thức hóa hóa đơn làm hồ sơ thanh quyết toán thì các các thôn trưởng không biết, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[5.6] Đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sử dụng hóa đơn của Cửa hàng Vật liệu xây dựng P, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, kết quả thể hiện:

Đối với các đơn vị có giao dịch mua bán hàng hóa (34 đơn vị, 239 tờ hóa đơn), gồm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng (TNHH XD) Hợp Kiến Thành, địa chỉ: 36/19 Amí Đoan, thành phố Buôn Ma Thuột, 03 tờ hóa đơn; Công ty TNHH XD Hoàng Diệp, địa chỉ: Khối 11, thị trấn Đăk Mil, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, 03 tờ hóa đơn; Trường Mầm Non Hướng Dương, địa chỉ: Xã C, huyện B, tỉnh Đ, 01 tờ hóa đơn; Công Ty TNHH CNXD Công trình viễn thông, địa chỉ: Thôn Hòe Nha, xã Thị Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Chi nhánh tại địa chỉ 79A, đường Amí Đoan, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk), 01 tờ hóa đơn; Công ty Truyền tải điện 3 Đăk Lăk, địa chỉ 258 Ph, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk (thuộc Công ty Truyền tải điện 3, địa chỉ: 12 Trần Hưng Đạo, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa) 03 tờ hóa đơn; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đăk Lăk, địa chỉ: 04 Mai Hắc Đế, thành phố Buôn Ma Thuột, 19 tờ hóa đơn (có một hóa đơn bị thất lạc); Công ty TNHH Bảo Anh Đăk Lăk, địa chỉ: Số 95 Kpă Nguyên, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk, 02 tờ hóa đơn; Công ty Cổ phần xây dựng Đăk Lăk, địa chỉ: Số 25 Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột, 06 tờ hóa đơn; Công ty TNHH Kiên Quốc, địa chỉ: Số 52 Văn Tiến Dũng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, 01 hóa đơn; Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ tỉnh Đăk Lăk, địa chỉ: Số 256 P, thành phố B, 01 tờ hóa đơn; Công ty TNHH xây dựng Hồng T, địa chỉ: Số 185/14 Đ, thành phố B, 01 tờ hóa đơn; Công ty TNHH xây dựng Tân X, địa chỉ: Số 35 L, thành phố B, 02 tờ hóa đơn; Công ty Cổ phần Quản lý Xây dựng Giao thông Đăk Lăk, địa chỉ: Số 38 Hùng Vương, thành phố Buôn Ma Thuột, 02 tờ hóa đơn; Công ty TNHH MTV Đình Trung, địa chỉ: Số 39 Tổ Hữu, thành phố Buôn Ma Thuột, 01 tờ hóa đơn; Công ty Cổ phần kiến trúc đầu tư xây dựng Cửu L, địa chỉ: Số 35 N, thành phố B, 01 tờ hóa đơn; Công ty TNHH MTV xây dựng Phiên Th, địa chỉ: Số 558/6 N, phường T, thành phố B, 07 tờ hóa đơn; Công ty TNHH Cơ khí Độc Lập, địa chỉ: số 573 L, phường E, thành phố B, 04 tờ hóa đơn; Chi nhánh Công ty cổ phần Sông G tại Đ, địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố T, 01 tờ hóa đơn; Trường phổ thông dân tộc nội trú T, địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, 14 tờ hóa đơn; Công ty TNHH Hoàng V, địa chỉ: 42 Phạm H, phường T, thành phố B, 24 tờ hóa đơn; Công ty cổ phần công trình Việt Ng, địa chỉ: 396 P, phường T, thành phố B, 02 tờ hóa đơn; Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại Phương D, địa chỉ: Số 159/12 đường P,

phường K, thành phố B, 03 tờ hóa đơn; Công ty TNHH xây dựng Trường P, địa chỉ: 241 Y, phường T, thành phố B, 20 tờ hóa đơn; Công ty TNHH Food Ban M, địa chỉ: 7A T, phường Ti, thành phố B, 01 tờ hóa đơn; Công ty cổ phần sách thiết bị trường học Đ, địa chỉ: 19 T, phường T, thành phố B, 02 tờ hóa đơn; Công ty TNHH xô số kiến thiết Đ, địa chỉ: 02 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, 01 tờ hóa đơn; Công ty TNHH xây dựng công nghệ và xây dựng Long H, địa chỉ: Số 236/24 đường Ngô Q, phường T, thành phố B, 02 tờ hóa đơn; Công ty TNHH tư vấn xây dựng Lộc T, địa chỉ: Số 149/19a A, phường T, thành phố B, 15 tờ hóa đơn; Công ty TNHH Quang M, địa chỉ: Tổ dân phố 6B, phường T, thành phố B, 18 tờ hóa đơn; Công ty TNHH xây dựng công trình Ngọc M, địa chỉ: Số 03 T, phường T, thành phố B, 16 tờ hóa đơn; Công ty TNHH MTV quản lý công trình Thủy Lợi Đ, địa chỉ: 109 M, phường T, thành phố B, 02 tờ hóa đơn; Chi nhánh Tân K - Công ty cổ phần xây dựng Đ, địa chỉ: 186 Đ, phường T, thành phố B, 01 tờ hóa đơn; Công ty TNHH Xây dựng ph, địa chỉ: Số 126 P, thành phố B, 55 tờ hóa đơn; Chi nhánh Tây Nguyên – Tổng công ty 789, địa chỉ: 05 N, thành phố B, 02 hóa đơn và Công ty TNHH xây dựng tân Th, địa chỉ: 146 N, thành phố B, 02 hóa đơn. Quá trình điều tra xác định Trần Thị Việt H, có giao dịch mua bán vật liệu, vật tư xây dựng với các đơn vị trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với các đơn vị có mua vật liệu của Cửa hàng Vật liệu xây dựng P nhưng không cung cấp được hồ sơ, hóa đơn do bị thất lạc (07 đơn vị, 113 hóa đơn), gồm: Doanh nghiệp tư nhân thương mại V, địa chỉ: Số 125 N, phường T, thành phố B, 78 tờ hóa đơn; Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Thái Sơn, địa chỉ: 275 Phan Bội Châu, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, 10 tờ hóa đơn; Công ty TNHH Toàn Thắng Đ, địa chỉ: 242 N, phường T, thành phố B, 15 tờ hóa đơn; Công ty TNHH tư vấn xây dựng Việt K, địa chỉ: 242 N, phường T, thành phố B, 03 tờ hóa đơn; Trường Năng khiếu thể dục thể thao Đ, địa chỉ: 64 Nguyễn T, phường T, thành phố B, 05 tờ hóa đơn; Công ty TNHH MTV Tân A, địa chỉ: Số 194/4 L, phường Th, thành phố B, 01 tờ hóa đơn; Công ty TNHH một thành viên vật liệu xây dựng Thịnh Ph, địa chỉ: Số 219 Ph, phường Th, thành phố B, 01 tờ hóa đơn. Quá trình điều tra xác định Trần Thị Việt H, có giao dịch mua bán vật liệu xây dựng với các đơn vị trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý là phù hợp..

Đối với các đơn vị có mua vật liệu, thi công xây dựng nhưng không xác định được người trực tiếp mua hàng hóa với Trần Thị Việt H, do giao khoán cho người khác thi công (11 đơn vị, 17 hóa đơn), gồm: Công ty TNHH TV XD HCC, địa chỉ: Thôn 1, xã E, thành phố B, 02 tờ hóa đơn; Công ty TNHH Cà phê Ea T, địa chỉ: Xã E, huyện C, tỉnh Đ, 01 tờ hóa đơn; Trường Mầm Non Cư Ê, thành phố B, địa chỉ: Thôn 6, xã Cư Ê, thành phố B, 01 tờ hóa đơn; Bà Trịnh Thị Ng, Nhóm trưởng liên gia 43, địa chỉ: tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, 02 tờ hóa đơn; Công ty TNHH TM DV Hoàng Hải Kr, địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Kr, 02 tờ hóa đơn; Công ty TNHH XD Quốc Đạt, địa chỉ: Km10, thị trấn Ea Pôk, huyện Cư M, tỉnh Đ, 01 tờ hóa đơn; Trường Mầm Non Hoa Anh Đ; Địa chỉ: Xã Ea Wer, huyện B, 01 tờ hóa đơn; Công ty TNHH thương mại vận tải Thành Ng, địa chỉ: Số 74 Tr, thành phố B, 01 tờ hóa đơn; Công ty TNHH xây dựng Vũ M, địa chỉ: số 97/13 T, thành

phố B, 03 tờ hóa đơn; Công ty TNHH Việt Đăng K, địa chỉ: Số 15 X, thành phố B, 01 tờ hóa đơn; Công ty TNHH xây dựng thương mại Hiếu A, địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, 02 tờ hóa đơn. Quá trình điều tra do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người đến Cửa hàng Vật liệu xây dựng P, liên hệ với Trần Thị Việt H để mua vật liệu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với 6 đơn vị, sử dụng 21 hóa đơn, gồm: Trại Giam Đ (Bộ Công an), địa chỉ: Huyện Đ, tỉnh Đ, 01 tờ hóa đơn; Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đ, địa chỉ: Số 259 P, thành phố B, 01 tờ hóa đơn; Công ty TNHH MTV 470, địa chỉ: Số 586 N, thành phố B, tỉnh Đ, 01 hóa đơn; Công ty TNHH xây dựng B, địa chỉ: 90 N, thành phố B, 06 tờ hóa đơn; Công ty Cổ phần xây dựng 47, địa chỉ: 47A L, phường T, thành phố B, 07 tờ hóa đơn; Công ty TNHH Tân Th, địa chỉ: 78 N, phường T, thành phố T, 05 tờ hóa đơn. Quá trình điều tra các đơn vị trình bày không sử dụng hóa đơn, không phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa với Cửa hàng Vật liệu xây dựng P. Trần Thị Việt H khai nhận các đơn vị trên có liên hệ mua vật liệu xây dựng, của Cửa hàng Vật liệu xây dựng P và cung cấp thông tin, địa chỉ để H viết hóa đơn. Tuy nhiên thời gian đã lâu nên H không nhớ cá nhân nào của các đơn vị liên hệ mua vật liệu xây dựng. Do chưa có đủ căn cứ chứng minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với 04 đơn vị, sử dụng 12 hóa đơn, gồm: Công ty CP NLN Trường Th; Địa chỉ: Đường 2/3 phường N, thành phố G, tỉnh Đ, 01 tờ hóa đơn; Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Dịch vụ MJ, địa chỉ: Thôn 12, xã Ô, huyện E, tỉnh Đ, 02 tờ hóa đơn; Trường Quân sự địa phương tỉnh Đ, địa chỉ 04 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, 04 hóa đơn; Công ty CP XD và TM Hưng Hồng P, địa chỉ 55 L, thành phố G, tỉnh Đ, 05 tờ hóa đơn. Quá trình điều tra xác định các đơn vị bỏ địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp giải thể, chuyển nhượng doanh nghiệp, do chưa làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với 08 cá nhân, sử dụng 21 hóa đơn, gồm: Bà Nguyễn Thị A, địa chỉ: Nhóm liên gia 1, Tổ dân phố 9, phường E, thành phố B, 02 tờ hóa đơn; Ông Nguyễn Văn S, địa chỉ: Xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, 01 tờ hóa đơn; Nguyễn Thị Tuyết, địa chỉ: Xã T, huyện B, 02 tờ hóa đơn; Nguyễn Thanh Th, địa chỉ: Xã T, huyện B, 09 tờ hóa đơn; Nguyễn Hữu Bằng, địa chỉ: Xã E, huyện B, 02 tờ hóa đơn; Đỗ Bá B, địa chỉ: Xã E, huyện B, 01 tờ hóa đơn; Hoàng Văn L, địa chỉ: Xã T, huyện B, 01 tờ hóa đơn; Nguyễn Duy Tín, không có địa chỉ, 01 tờ hóa đơn và bán lẻ, địa chỉ đường Y Moal, 02 tờ hóa đơn. Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những người mua hàng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Viễn Thông Hưng Th, địa chỉ: 270 Tr, quận Đ, thành phố H, 02 tờ hóa đơn và Công ty Lưới điện cao thế Miền Tr, địa chỉ: 81-91 N, thành phố Đ, 01 tờ hóa đơn. Cơ quan điều tra ra Quyết định Ủy thác điều tra nhưng đến nay chưa có kết quả điều tra nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Việt H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Việt H **02 (hai) năm tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Việt H cho UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đ giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Trần Thị Việt H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo Trần Thị Việt H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Các tài liệu chứng cứ là vật chứng của vụ án nên cần lưu theo hồ sơ gồm: hóa đơn Liên 2 số 0069148, số 0069150, số 0091351, số 0091353, số 0063861, số 0029910, số 0019059; số 0063864, số 0063866; số 0029936, số 0063889, số 0029925, số 0029923, số 0029937; số 0024827; số 0038788; số 0059249, số 0059245, số 0029945, số 0029946; số 0019077, số 0019080, số 0019084; số 0029931; số 0059220, số 0034715. 10 quyển hóa đơn bán hàng gồm Quyển số 0001383, 0001828, 0000444, 0001278, 0000497, 0000776, 0000382, 0001185, 0000599, 0000695 chứa Liên 1 và Liên 3 và các hóa đơn số 0063859, số 0063894, số 0063892, số 0063897, số 0000205, số 0000195, số 0000197, số 0000199, số 0000202, số 0000790,

- Về số tiền thu lợi bất chính: Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 7.503.146 đồng của bị cáo Trần Thị Việt H.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị Việt H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Phân kiến nghị: Kiến nghị cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý hành vi của các đối tượng ông Trương Công L, bà Trương Thị Tổ L và Nguyễn Thế A theo đúng quy định

của pháp luật.

Án xử sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT Công tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH